

THÔNG TIN TUYỂN SINH NĂM 2026
(Hình thức đào tạo: Chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo:

Tên tiếng Việt: Trường Đại học Xây dựng Miền Tây

Tên viết tắt: ĐHXDMT

Tên tiếng Anh: Mien Tay Construction University

2. Mã trường: MTU

3. Địa chỉ các trụ sở:

Địa chỉ: - Số 20B Phó Cơ Điều, Phường Phước Hậu, Tỉnh Vĩnh Long.

- Số 288 Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, TP Cần Thơ.

Điện thoại: (0270) 3.825.903, 3.839.768; Fax: (0270) 3827457

4. Địa chỉ các trang thông tin điện tử: www.mtu.edu.vn

5. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; thông tin, quy chế thi tuyển sinh

<https://mtu.edu.vn> và <https://tuyensinh.mtu.edu.vn>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02703.825.903

7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của Trường: <https://mtu.edu.vn/>
và <https://tuyensinh.mtu.edu.vn>

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC:

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển

1.1. Đối tượng: Người dự tuyển được xác định tại thời điểm xét tuyển trước khi công bố kết quả xét tuyển chính thức bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2. Điều kiện dự tuyển

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định tại Mục 3.1;

- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành;

- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định của cơ sở đào tạo.

- Thí sinh có tổng điểm 03 môn thi kỳ thi tốt nghiệp THPT (kỳ thi trung học nghề đối với đối tượng trung học nghề) theo tổ hợp xét tuyển (hoặc sử dụng điểm thi môn Toán, Ngữ văn và một môn thi khác) đạt tối thiểu 15,00 điểm theo thang điểm 30, áp dụng đối với thí sinh thi tốt nghiệp năm 2026.

2. Phương thức tuyển sinh

Trường Đại học Xây dựng Miền Tây tuyển sinh bằng các phương thức:

2.1. Phương thức 1: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026.

- Mã phương thức xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 100.

- Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 bắt buộc phải có môn Toán với trọng số tính điểm xét của môn Toán tối thiểu 1/3 và đáp ứng yêu cầu tổ hợp xét tuyển sử dụng kết quả các môn thi tốt nghiệp THPT dùng để xét tuyển có ít nhất 03 môn phù hợp với đặc điểm, yêu cầu đầu vào của chương trình đào tạo.

- Điểm xét tuyển = Điểm thi THPT môn 1 + Điểm thi THPT môn 2 + Điểm thi THPT môn 3 + Điểm ưu tiên (nếu có) + Điểm cộng (nếu có).

- Thí sinh có một trong các chứng chỉ tiếng Anh được quy định tại Thông tư số 24/2024/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định Danh mục chứng chỉ ngoại ngữ và được miễn thi môn Ngoại ngữ trong xét công nhận tốt nghiệp THPT năm 2026, sẽ được quy đổi kết quả chứng chỉ ngoại ngữ thành điểm môn ngoại ngữ theo thang điểm 10 để đưa vào tổ hợp môn xét tuyển thay thế môn ngoại ngữ theo nguyên tắc trọng số tính điểm xét môn ngoại ngữ không vượt quá 1/3 của tổng điểm theo thang điểm 30.

Bảng 1. Bảng quy đổi điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế thành điểm môn Tiếng Anh trong xét tuyển đại học chính quy năm 2026

STT	IELTS	TOEFL iBT	TOEIC				TOEFL IPT	Aptis ESOL/ Khung CEFR	Điểm quy đổi
			Nghe	Đọc	Nói	Viết			
1	4.0		275	275	120	120	450		7.0
2	4.5		337	312	140	135	475		7.5
3	5.0	45	399	348	159	149	499	B1	8.0
4	5.5	46	400	385	160	150	500		8.5
5	6.0	70	445	420	170	165	550		9.0
6	6.5	93	489	454	179	179	600	B2	9.5
7	7.0 +	94 +	490 +	455 +	180 +	180 +	601 +	C1	10

2.2. Phương thức 2: Xét tuyển theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG TP.HCM năm 2026.

- Mã phương thức xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 402.

- Điểm xét tuyển = Điểm thi đánh giá năng lực x hệ số quy đổi + Điểm ưu tiên (nếu có) + Điểm cộng (nếu có).

Thí sinh tham dự kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG TP.HCM tổ chức năm 2026, có điểm bài thi cao hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

2.3. Phương thức 3: Kỳ thi đánh giá đầu vào đại học V-SAT do Đại học Cần Thơ tổ chức năm 2026

- Mã phương thức xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 417.

- Điểm xét tuyển = Điểm thi đánh giá đầu vào đại học V-SAT (tổng tổ hợp 3 môn) x hệ số quy đổi + Điểm ưu tiên (nếu có) + Điểm cộng (nếu có).

Thí sinh tham dự kỳ thi đánh giá đầu vào đại học V-SAT do Đại học Cần Thơ tổ chức năm 2026, có điểm bài thi tổng tổ hợp 3 môn cao hơn hoặc bằng ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào.

2.4. Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT (học bạ).

- Mã phương thức xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo: 200.

- Xét tuyển dựa vào kết quả học tập các môn học cấp THPT bắt buộc phải có môn Toán với trọng số tính điểm xét của môn Toán tối thiểu 1/3 và đáp ứng yêu cầu tổ hợp xét tuyển sử dụng kết quả học tập cả năm lớp 10, 11, 12 theo thang điểm 30.

- Điểm xét tuyển = (Điểm trung bình 03 năm môn 1 + Điểm trung bình 03 năm môn 2 + Điểm trung bình 03 năm môn 3) x hệ số quy đổi + Điểm ưu tiên (nếu có) + Điểm cộng (nếu có).

3. Quy tắc quy đổi độ lệch điểm ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

3.1. Ngưỡng đầu vào

- Ngưỡng đầu vào (hay ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào) là yêu cầu tối thiểu về năng lực học tập thể hiện ở kết quả học tập, kết quả thi, đánh giá để thí sinh có khả năng theo học và hoàn thành chương trình đào tạo.

- Căn cứ kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026, kết quả học tập cấp THPT, kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026, kỳ thi đánh giá đầu vào đại học V-SAT của Đại học Cần Thơ năm 2026, các yêu cầu đảm bảo chất lượng, Trường xác định và công bố ngưỡng đầu vào cho các ngành,

nhóm ngành và phương thức tuyển sinh theo hướng dẫn và kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2 Điểm trúng tuyển

- Điểm trúng tuyển đại học là mức điểm tối thiểu thí sinh phải đạt được để được Trường công nhận là “đậu” vào chương trình đào tạo sau khi xét tuyển. Căn cứ kết quả xét tuyển kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026, kết quả học tập cấp THPT, kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026, kỳ thi đánh giá đầu vào đại học V-SAT của Đại học Cần Thơ năm 2026, các yêu cầu đảm bảo chất lượng, Trường xác định và công bố điểm trúng tuyển cho các ngành, nhóm ngành theo hướng dẫn và kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.3. Quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Điểm xét tuyển của thí sinh là điểm cao nhất của điểm xét tuyển tất cả các phương thức xét tuyển mà thí sinh đăng ký theo ngành được quy đổi về thang điểm 30 sau khi được quy đổi tương đương theo một quy tắc bảo đảm tương đương về mức độ đáp ứng yêu cầu đầu vào của ngành đào tạo tương ứng.

- Quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh được xác định theo nguyên tắc:

+ Sử dụng dữ liệu điểm thi tốt nghiệp cấp Trung học phổ thông làm gốc để xây dựng quy tắc quy đổi;

+ Căn cứ dữ liệu thống kê, phân tích kết quả học tập của sinh viên đã trúng tuyển theo các tổ hợp các năm trước; cụ thể: Thống kê số lượng thí sinh trúng tuyển theo các năm 2024, 2025; kết quả học tập của từng sinh viên này tại Trường;

+ Dựa theo quy tắc khung quy đổi tương đương, theo quy tắc quy đổi chung và hướng dẫn thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo để xác định quy tắc quy đổi tương đương điểm trúng tuyển.

- Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào và điểm trúng tuyển sẽ được công bố sau khi có kết quả kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông năm 2026, kết quả kỳ thi Đánh giá năng lực đợt 2 của Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh năm 2026, kỳ thi đánh giá đầu vào đại học V-SAT của Đại học Cần Thơ năm 2026 và theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Số lượng tuyển sinh: 1020 chỉ tiêu

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Số lượng (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
Nhóm ngành Kỹ thuật xây dựng (Kỹ sư)						
1	7580201	Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp	7580201	265	- Phương thức 1, 2: A00; A01; A02; A03; A06; B00; C01; D01; X05; X09. - Phương thức 3, 4.	
2		Công nghệ thi công và An toàn lao động				
3		Công trình ngầm đô thị				
4		Quản lý dự án xây dựng				
5		Kỹ thuật Xây dựng Công nghệ số				
6		Kỹ thuật Xây dựng Dân dụng và Công nghiệp Chương trình tiếng Anh tăng cường Kỹ thuật Xây dựng Công nghệ số				
Nhóm ngành Kiến trúc (Kiến trúc sư)						
7	7580101	Kiến trúc và Công nghệ		150	- Phương thức 1, 2: A00; A01; A03; A04; A06; A07; C01; C03; D01; X05. - Phương thức 3, 4.	
8		Kiến trúc Công trình				
9		Kiến trúc và Thiết kế Nội thất				

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Số lượng (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
10		Kiến trúc và Thiết kế Cảnh quan				
Nhóm ngành Kỹ thuật xây dựng công trình Giao thông (Kỹ sư)						
11	7580205	Xây dựng Cầu - Đường	7580205	150	- Phương thức 1, 2: A00; A01; A02; A03; A06; B00; C01; D01; X05; X09. - Phương thức 3, 4.	
12		Kỹ thuật cơ sở hạ tầng				
13		Quản lý, vận hành và bảo trì đường cao tốc				
14		Quản lý, vận hành và bảo trì đường sắt				
Nhóm ngành Kỹ thuật môi trường (Kỹ sư)						
15	7520320	Kỹ thuật an toàn cháy và môi trường	7520320	20	- Phương thức 1, 2: A00; A01; A02; A04; A05; A06; B00; C01; X05; X09. - Phương thứ 3, 4.	
16		Công nghệ môi trường và Quản lý tài nguyên đất đai				
Nhóm Ngành Kế toán (Cử nhân)						
17	7340301	Kế toán Doanh nghiệp	7340301	50	- Phương thức 1, 2: A00; A01; A03; A04; A05; A06; C03; D01; X05; X09. - Phương thức 3, 4.	
18		Kế toán Doanh nghiệp – Xây dựng				

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Số lượng (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
Nhóm ngành Kỹ thuật phần mềm (Kỹ sư)						
19	7480103	Kỹ thuật phần mềm	7480103	60	- Phương thức 1, 2: A00; A02; A03; A05; B00; C01; D01; X06; X10; X26. - Phương thức 3, 4.	
20		Lập trình nhúng IoT				
21		Trí tuệ nhân tạo ứng dụng				
Nhóm ngành Quản lý đô thị và công trình (Kỹ sư)						
22	7580106	Quản lý đô thị và công trình	7580106	25	- Phương thức 1, 2: A00; A01; A03; A04; A06; A07; C01; C03; D01; X05. - Phương thức 3, 4.	
23		Kinh tế và Quản lý bất động sản				
Nhóm ngành Công nghệ Kỹ thuật ô tô (Kỹ sư)						
24	7510205	Công nghệ Kỹ thuật ô tô	7510205	130	- Phương thức 1, 2: A00; A02; A03; A05; B00; C01; X05; X07; X09; X26. - Phương thức 3, 4.	
25		Công nghệ Kỹ thuật ô tô điện				
26	7580202	Ngành Kỹ thuật Xây dựng Công trình thủy (Kỹ sư)	7580202	25	- Phương thức 1, 2: A00; A01; A04; A06; C01; D01; D07; X05; X06; X09. - Phương thức 3, 4.	
27	7580213	Ngành Kỹ thuật cấp thoát nước (Kỹ sư)	7580213	80	- Phương thức 1, 2 : A00; A01; A02; A03; A05;	

STT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Số lượng (dự kiến)	Phương thức tuyển sinh	Ghi chú
					B00; C01; D01; X05; X09. - Phương thức 3, 4.	
28	7510605	Ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng (Cử nhân)	7510605	65	Phương thức 1, 2: A00; A02; A03; A05; B00; C01; D01; X06; X09; X26. - Phương thức 3, 4.	

- Mã tổ hợp và tổ hợp môn xét tuyển kết quả học tập cấp THPT (học bạ); kết quả thi tốt nghiệp THPT:

STT	Mã tổ hợp	Tổ hợp môn xét tuyển
1	A00	Toán, Vật lý, Hóa học
2	A01	Toán, Vật lý, Tiếng Anh
3	A02	Toán, Vật lý, Sinh học
4	A03	Toán, Vật lý, Lịch sử
5	A04	Toán, Vật lý, Địa lý
6	A05	Toán, Hóa học, Lịch sử
7	A06	Toán, Hóa học, Địa lý
8	A07	Toán, Lịch sử, Địa lý
9	B00	Toán, Hóa học, Sinh học
10	C01	Ngữ văn, Toán, Vật lý
11	C03	Ngữ văn, Toán, Lịch sử
12	D01	Ngữ văn, Toán, Tiếng Anh
13	D07	Toán, Hóa học, Tiếng Anh
14	X05	Toán, Vật lý, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
15	X06	Toán, Vật lý, Tin học
16	X07	Toán, Vật lý, Công nghệ công nghiệp
17	X09	Toán, Hóa học, Giáo dục Kinh tế và pháp luật
18	X10	Toán, Hóa học, Tin học
19	X26	Toán, Tin học, Tiếng Anh

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Trường

5.1. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển

- Thí sinh kiểm tra năng lực đầu vào môn Vẽ Mỹ thuật đối với ngành Kiến trúc. (Trừ chuyên ngành Kiến Trúc và Công nghệ).

- Nếu số thí sinh xét tuyển vào các ngành có tổng điểm 3 môn bằng nhau (đã cộng điểm ưu tiên theo Quy chế tuyển sinh) và bằng với mức điểm chuẩn thì trong trường hợp

vượt chỉ tiêu, Trường sẽ xét trúng tuyển thí sinh có điểm môn Toán cao hơn đối với phương thức 1, 2, 4. Đối với thí sinh xét tuyển phương thức 3 nếu có nhiều thí sinh có cùng điểm xét tuyển thì ưu tiên theo thứ tự thí sinh có điểm trung bình môn Toán - Logic - Phân tích số liệu từ cao xuống.

5.2. Điểm cộng

Tổng điểm cộng bao gồm điểm thưởng, điểm xét thưởng, điểm khuyến khích không vượt quá 10% điểm tối đa của thang điểm xét tuyển.

5.2.1. Điểm cộng đối với thí sinh đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp (từ cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trở lên)

Thí sinh được cộng điểm nếu đạt giải trong các kỳ thi học sinh giỏi các cấp (từ cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trở lên), chỉ tính các giải đạt được trong 3 năm học THPT, bao gồm: Đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi quốc gia hoặc giải nhất cấp tỉnh được cộng 2,0 điểm; giải khuyến khích trong kỳ thi quốc gia hoặc giải nhì cấp tỉnh được cộng 1,5 điểm; giải ba cấp tỉnh được cộng 1,0 điểm.

5.2.2. Điều kiện xét điểm cộng

- Thí sinh phải đăng ký theo hình thức trực tuyến trên cổng thông tin tuyển sinh của Trường tại <http://tuyensinh.mtu.edu.vn> và nộp hồ sơ minh chứng xét điểm cộng trực tiếp tại Trường hoặc qua đường bưu điện đến hết ngày 20/6/2026 (để Trường có thông tin và cơ sở dữ liệu xét tuyển trên hệ thống chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo). Hồ sơ gồm: Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đạt giải học sinh giỏi từ cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương trở lên.

- Thí sinh không đăng ký, kê khai thông tin và nộp hồ sơ theo thời gian quy định sẽ không đủ điều kiện xét điểm cộng.

5.2.3. Xác nhận nhập học

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quá thời gian quy định, thí sinh không xác nhận nhập học được xem như từ chối nhập học.

6. Tổ chức tuyển sinh

Trường xét tuyển theo kế hoạch tuyển sinh chung năm 2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

6.1. Đăng ký thông tin xét tuyển

Thí sinh đăng ký thông tin xét tuyển với Nhà trường qua hình thức trực tuyến đối với các trường hợp sau:

+ Xét tuyển phương thức 4 (xét học bạ) đợt 1: Thí sinh đăng ký trực tuyến tại <http://tuyensinh.mtu.edu.vn/>. Thời gian đăng ký đến ngày 14/7/2026.

+ Đăng ký quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế để thay thế điểm môn Tiếng Anh trong tổ hợp xét tuyển đợt 1: Thí sinh đăng ký trực tuyến tại <http://tuyensinh.mtu.edu.vn/> và nộp chứng chỉ photo công chứng (trực tiếp hoặc qua bưu điện, chuyển phát) đến hết ngày 20/6/2026.

6.2. Thời gian đăng ký xét tuyển và thời gian xét tuyển

a) Xét tuyển đợt 1

- Đăng ký xét tuyển đợt 1: Thí sinh đăng ký xét tuyển đợt 1 theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đến 17 giờ 00 ngày 14/7 (theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo).

- Từ ngày 15/7 đến 17 giờ 00 ngày 21/7/2026: Thí sinh phải nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng nguyện vọng xét tuyển bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Xét tuyển đợt bổ sung

- Dự kiến từ ngày 22/8/2026.

6.3. Tổ chức kiểm tra năng lực đầu vào môn Vẽ Mỹ thuật năm 2026

a) Ngành xét tuyển

- Ngành Kiến trúc:

+ Chuyên ngành Kiến trúc Công trình;

+ Chuyên ngành Kiến trúc và Thiết kế Nội thất;

+ Chuyên ngành Kiến trúc và Thiết kế Cảnh quan.

b) Đăng ký kiểm tra năng lực đầu vào Vẽ Mỹ thuật

- Đợt 1: tháng 4/2026

- Đợt 2: tháng 5/2026

- Các đợt kiểm tra tiếp theo dự kiến vào tháng 7 và tháng 8/2026.

- Địa điểm kiểm tra: tại các cơ sở của Trường Đại học Xây dựng Miền Tây hoặc các cụm Trường THPT (nếu có từ 15 - 20 thí sinh).

c) Cách thức nộp hồ sơ

- Theo 1 trong 3 cách sau:

+ Đăng ký trực tuyến tại: <http://tuyensinh.mtu.edu.vn/>

+ Đăng ký trực tiếp tại Ban Tư vấn Tuyển sinh và Hướng nghiệp - Trường ĐHXD Miền Tây: Số 20B, Phó Cơ Điều, Phường Phước Hậu, tỉnh Vĩnh Long; Số 288 Nguyễn Văn Linh, phường Tân An, TP Cần Thơ. Điện thoại: 02703.825.903; 0914.792.380.

+ Qua Bưu điện chuyển phát nhanh.

- Hồ sơ gồm:

+ Phiếu đăng ký: theo **Mẫu 1** (Kèm theo) của Trường, tải tại trang web:

www.mtu.edu.vn

+ 02 tấm ảnh 4x6 (ghi rõ họ tên, ngày tháng, năm sinh sau mỗi tấm ảnh)

- Lệ phí dự kiểm tra: **Miễn phí.**

7. Chính sách ưu tiên

Các thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên đối tượng, khu vực, tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế hiện hành.

7.1. Ưu tiên theo khu vực (Theo phụ lục I)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho khu vực 1 (KV1) là 0,75 điểm, khu vực 2 nông thôn (KV2-NT) là 0,5 điểm, khu vực 2 (KV2) là 0,25 điểm; khu vực 3 (KV3) không được tính điểm ưu tiên;

b) Khu vực tuyển sinh của mỗi thí sinh được xác định theo địa điểm trường mà thí sinh đã học lâu nhất trong thời gian học cấp THPT (hoặc trung cấp); nếu thời gian học (dài nhất) tại các khu vực tương đương nhau thì xác định theo khu vực của trường mà thí sinh theo học sau cùng;

c) Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp.

7.2. Ưu tiên theo đối tượng chính sách (Theo phụ lục II)

a) Mức điểm ưu tiên áp dụng cho nhóm đối tượng UT1 (gồm các đối tượng 01 đến 03) là 2,0 điểm và cho nhóm đối tượng UT2 (gồm các đối tượng 04 đến 06) là 1,0 điểm.

b) Mức điểm ưu tiên cho những đối tượng chính sách khác (được quy định trong các văn bản pháp luật hiện hành) do Bộ trưởng Bộ GDĐT quyết định;

c) Thí sinh thuộc nhiều diện đối tượng chính sách quy định tại các điểm a, b khoản này chỉ được tính một mức điểm ưu tiên cao nhất.

7.3 Các mức điểm ưu tiên được quy định: Tương ứng với tổng điểm 03 môn (trong tổ hợp xét tuyển) theo thang điểm 30 đối với từng môn (không nhân hệ số); trường hợp phương thức tuyển sinh sử dụng thang điểm khác thì mức điểm ưu tiên được quy đổi tương đương.

7.4. Cách tính điểm ưu tiên

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm ưu tiên = $[(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định tại Mục 7.1 và Mục 7.2.}$

8. Mức thu dịch vụ tuyển sinh (Lệ phí xét tuyển).

Miễn phí lệ phí xét tuyển, miễn phí ôn và kiểm tra đầu vào vẽ mỹ thuật đối với nhóm ngành Kiến trúc.

9. Trường thực hiện các cam kết đối với thí sinh

Trường Đại học Xây dựng Miền Tây cam kết thực hiện các nội dung sau:

- Cung cấp đầy đủ thông tin, tư vấn và hướng dẫn thí sinh, không để thí sinh đăng ký dự tuyển vào một chương trình, ngành, nhóm ngành đào tạo mà không đủ điều kiện; chịu trách nhiệm và chủ động giải quyết việc thí sinh được chuyển đến cơ sở đào tạo hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh;

- Bảo đảm quy trình xét tuyển chính xác, công bằng, khách quan; thực hiện các cam kết theo thông tin tuyển sinh đã công bố;

- Kiểm tra thông tin và hồ sơ minh chứng khi thí sinh nhập học, bảo đảm tất cả thí sinh nhập học phải đủ điều kiện trúng tuyển;

- Giải quyết đơn thư phản ánh, khiếu nại tố cáo liên quan tới công tác xét tuyển của Nhà trường theo quy định của pháp luật.

10. Các nội dung khác

Thời gian công bố điểm chuẩn và danh sách trúng tuyển

Theo kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

10.1. Xác nhận nhập học

Thí sinh có tên trong danh sách trúng tuyển vào các ngành đào tạo của Trường Đại học Xây dựng Miền Tây cần xác nhận nhập học theo các bước sau:

- **Bước 1:** Xác nhận nhập học bằng hình thức trực tuyến trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- **Bước 2:** Nhập học trực tiếp hoặc trực tuyến trên cổng thông tin của Trường sau khi đã xác nhận nhập học trên cổng thông tin tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (xem thông báo hướng dẫn chi tiết tại Website của Trường).

10.2. Thời gian nhập học: Dự kiến tháng 8 năm 2026.

10.3. Các chính sách hỗ trợ

- Cam kết việc làm sau tốt nghiệp cho sinh viên tại các tập đoàn, doanh nghiệp,..

- Sinh viên được hưởng chính sách ưu tiên theo Quy định hiện hành.

- Miễn học phí toàn khóa học cho 02 tân Sinh viên thủ khoa trúng tuyển có điểm cao nhất (*áp dụng cho 01 sinh viên xét tuyển điểm thi THPT và 01 sinh viên xét tuyển dựa vào kết quả học tập cấp THPT*).

- Giảm 50% học phí năm nhất cho Sinh viên là con, em của cán bộ, viên chức, người lao động đang công tác tại Trường Đại học Xây dựng Miền Tây.

- Giảm 50% học phí học kỳ 1 năm thứ nhất cho Tân sinh viên có anh chị em ruột đang học tập tại trường Đại học Xây dựng Miền Tây, Tân sinh viên là con của Thầy/Cô các trường THPT, Trung tâm GDNN-GDTX, Tân sinh viên có Cha, Mẹ đang học tập tại trường MTU.

- Miễn phí ký túc xá cho tân sinh viên năm đầu. Cơ sở vật chất hiện đại, phòng thí nghiệm thư viện tiêu chuẩn quốc tế.

- Sinh viên có hoàn cảnh khó khăn học xuất sắc, giỏi, vượt khó và sinh viên có thành tích cao trong học tập, rèn luyện được Nhà trường và doanh nghiệp tặng học bổng hàng năm (từ 02 triệu – 10 triệu đồng/năm).

- Được cấp học bổng du học ngắn ngày tại Thái Lan, Đài Loan, Lào,... Được đào tạo kiến thức, các kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm đáp ứng nhu cầu xã hội. Có lớp chọn học bằng Tiếng Anh/Tiếng Nhật (*dành cho sinh viên có nguyện vọng làm việc tại Nhật Bản/ngoài nước*).

10.4. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm

10.5. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy:

- Áp dụng theo mức trần học phí qui định tại Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

- Ngoài học phí sinh viên cần nộp thêm Bảo hiểm y tế; Bảo hiểm thân thể,... theo Quy định của Nhà nước.

10.6. Lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm:

Thực hiện theo Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/2023 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

11. Thông tin tuyển sinh của 2 năm gần nhất:

TT	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	2024				2025			
				Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét		Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
						100	200/406			100	200
1	Kiến Trúc	7580101	100,406	100	100	15	18	100	90	15	18
2	Kỹ Thuật Xây dựng	7580201	100,200	280	194	15	18	280	138	15	18
3	Kỹ thuật xây dựng công trình Giao thông	7580205	100,200	50	39	15	18	50	46	15	18
4	Kỹ thuật môi trường	7520320	100,200	25	05	15	18	25	05	15	18
5	Kế Toán	7340103	100,200	30	19	15	18	30	20	15	18
6	Kỹ thuật phần mềm	7480103	100,200	40	21	15	18	40	25	15	18
7	Quản lý đô thị và công trình	7580106	100,200	25	09	15	18	25	18	15	18
8	Kỹ thuật cấp thoát nước	7580213	100,200	25	10	15	18	25	05	15	18
9	Kỹ thuật Xây dựng công trình thủy	7580202	100,200					25	01	15	18

Cán bộ tuyển Sinh
Nguyễn Văn Chạy.
0944.41.41.38
nguyenvanchay@mtu.edu.vn

HIỆU TRƯỞNG

Đã ký

NGUYỄN VĂN XUÂN

PHỤ LỤC I
KHU VỰC ƯU TIÊN

*(Kèm theo thông tin tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học
của Trường Đại học Xây dựng Miền Tây năm 2026)*

Khu vực	Mô tả khu vực và điều kiện
Khu vực 1 (KV1)	Các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, xã khu vực I, II, III; các xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, thôn đặc biệt khó khăn; các xã/phường hải đảo/đặc khu; các xã/phường biên giới đất liền.
Khu vực 2 nông thôn (KV2-NT)	Các địa phương không thuộc KV1, KV2, KV3.
Khu vực 2 (KV2)	Các phường thuộc tỉnh; các xã của thành phố trực thuộc Trung ương (trừ các xã thuộc KV1).
Khu vực 3 (KV3)	Các phường của thành phố trực thuộc Trung ương.

PHỤ LỤC II
ĐỐI TƯỢNG CHÍNH SÁCH ƯU TIÊN

*(Kèm theo Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học
của Trường Đại học Xây dựng Miền Tây năm 2026)*

Đối tượng	Mô tả đối tượng, điều kiện
<i>Nhóm 1</i>	
01	Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số được hưởng ưu tiên khu vực 1
02	a) Thương binh, bệnh binh, người có “Giấy chứng nhận người được hưởng chính sách như thương binh; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong công an nhân dân xuất ngũ và được công nhận hoàn thành nghĩa vụ phục vụ tại ngũ theo quy định.
03	a) Thân nhân liệt sĩ; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động từ 81% trở lên; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học bị suy giảm khả năng lao động 81% trở lên; d) Con của Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân; con của Anh hùng Lao động trong thời kỳ kháng chiến; đ) Con của người hoạt động kháng chiến bị dị dạng, dị tật do hậu quả của chất độc hóa học đang hưởng trợ cấp hàng tháng.
<i>Nhóm 2</i>	
04	a) Thanh niên xung phong tập trung được cử đi học; b) Quân nhân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ nghĩa vụ trong Công an nhân dân tại ngũ được cử đi học có thời gian phục vụ trên 15 tháng tính theo ngày.
05	a) Công dân Việt Nam là người dân tộc thiểu số học ngoài khu vực đã quy định thuộc đối tượng 01; b) Con thương binh, con bệnh binh, con của người được hưởng chính sách như thương binh bị suy giảm khả năng lao động dưới 81%; c) Con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học có tỷ lệ suy giảm khả năng lao động dưới 81%.

06	a) Người khuyết tật nặng có giấy xác nhận khuyết tật của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định; b) Giáo viên đã giảng dạy đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào các chương trình đào tạo giáo viên; c) Y tá, dược tá, hộ lý, y sĩ, điều dưỡng viên, hộ sinh viên, kỹ thuật viên, người có bằng trung cấp Dược đã công tác đủ 3 năm trở lên dự tuyển vào đúng chương trình đào tạo tốt nghiệp thuộc lĩnh vực sức khỏe.
----	--

Thông tin liên hệ:

**TRUNG TÂM TƯ VẤN TUYỂN SINH VÀ HƯỚNG NGHIỆP
TRƯỜNG ĐẠI HỌC XÂY DỰNG MIỀN TÂY**

Địa chỉ: - Số 20B Phó Cơ Điều, Phường Phước Hậu, tỉnh Vĩnh Long.

- Số 288 Nguyễn Văn Linh, Phường Tân An, TP. Cần Thơ.

Điện thoại: (0270) 3 825 903

Zalo: 0914 79 23 80

Email : tuyensinh@mtu.edu.vn

Website: www.mtu.edu.vn

Facebook: www.facebook.com/mtu.edu.vn

Quét mã QR để đăng ký xét tuyển trực tuyến qua link <http://xttt.mtu.edu.vn/>



Đăng ký xét tuyển trực tuyến

Quét mã QR để nhận được tư vấn trực tiếp

		
FANPAGE MTU	FANPAGE BAN TVTS TUYỂN SINH	WEBSITE MTU

